TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số:17/2017/LĐ -PT
Ngày: 28-8-2017
V/v tranh chấp tiền lương, yêu cầu giao trả sổ BHXH, Quyết định thôi việc, yêu cầu bồi thường thiệt hại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quý
Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương
Ông Lê Văn Thăng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Công – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLPT- LĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc *"Tranh chấp tiền lương, yêu cầu giao trả sổ BHXH, Quyết định thôi việc, yêu cầu bồi thường thiệt hại"*.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2017/LĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2017 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 39/2017/QĐ-PT ngày 10/8/2017 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Liên Thanh Q, sinh năm: 1970.
Địa chỉ: phường N, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn*: Công ty cổ phần S.
Địa chỉ: Ấp N, quốc lộ M, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1979 - Tổng giám đốc công ty.
Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Trần Nguyễn Đà T, sinh năm 1991
Hộ khẩu thường trú: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa
(Theo giấy ủy quyền số 05/2017/GUQ-SGĐN ngày 20/02/2017)
- *Người kháng cáo*: Bị đơn Công ty cổ phần S
(Ông Q, bà Trần Nguyễn Đà T - có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm

Nguyên đơn ông Liên Thanh Q trình bày:

Giữa ông và Công ty cổ phần S (gọi tắt là Công ty) đã ký hợp đồng lao động số 17/2015/HĐLĐ.SGĐN và phụ lục hợp đồng lao động số 17/2015/PL01-HĐLĐ ngày 15/7/2015. Thời hạn hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 15/7/2015 đến ngày 14/7/2016. Với chức danh Giám đốc điều hành, địa điểm làm việc tại Công ty cổ phần S hay bất kỳ chi nhánh nào của Công ty theo yêu cầu công việc được giao, không bị giới hạn bởi địa điểm công tác. Công việc phải làm theo bảng mô tả công việc hoặc theo sự phân công của ban lãnh đạo Công ty.

Mức lương căn bản 8.000.000đ, lương công việc là 24.727.500 đ, phụ cấp trách nhiệm là 12.000.000 đ. Thu nhập thực lãnh sau khi trừ các khoản khấu trừ (thuế thu nhập cá nhân, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp) là 40.000.000 đ/tháng.

Từ khi được nhận vào làm việc ông luôn hoàn thành công việc được giao không có bất kỳ sai phạm nào. Đến ngày 14/3/2016, ông có viết đơn xin nghỉ việc gửi cho phòng nhân sự vì lý do sức khỏe và không phù hợp với công việc. Trong đơn xin thôi việc ông có nêu rõ là báo trước 30 ngày và sẽ bàn giao công việc đầy đủ cho người thay thế được chỉ định. Thời gian chính thức nghỉ việc của ông sẽ là ngày 13/4/2016. Đồng thời ông cũng đã gửi email xin nghỉ việc với nội dung như trên đến bà Nguyễn Thị Bạch T là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 7/4/2016, bà T yêu cầu ông bàn giao công việc. Phòng nhân sự có lập biên bản bà T đã ký nhận bàn giao nhưng đề nghị kiểm kê tài sản xem có thất thoát gì không hẹn đến ngày 30/4/2016 mới giải quyết các chế độ thôi việc cho ông.

Ngày 9/4/2016, ông chính thức nghỉ việc và rời khỏi công ty, lẽ ra đến ngày 13/4 nhưng còn một số ngày phép năm chưa sử dụng nên ông nghỉ phép năm, với sự đồng ý của bà T.

Ngày 18/5/2016, Công ty ra Thông báo vi phạm và tổn thất số 10/2016/TB nội dung là đang xem xét về công việc của ông và hẹn là ngày 2/6/2016 sẽ có kết quả. Sau ngày 02/6/2016 ông vẫn không nhận được bất cứ kết quả nào từ Công ty nên ngày 28/6/2016, ông đã gửi đơn khiếu nại đến Phòng Lao động – Thương binh và xã hội huyện Long Thành giải quyết nhưng không thành do Công ty cử người không có thẩm quyền đến tham dự hòa giải.

Ông yêu cầu Công ty cổ phần S phải chốt trả sổ bảo hiểm xã hội và giao quyết định thôi việc cho ông. Đồng thời, thanh toán cho ông tiền lương tháng 3/2016; 13 ngày công tháng 4/2016 số tiền làm tròn 60.000.000đ như Công ty đã xác nhận và thanh toán số tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật, tính từ ngày 13/4/2016 đến ngày xét xử.

Theo đơn phản tố ngày 12/12/2016 của Công ty cổ phần S đề nghị ông phải bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 27.402.000đ. Ông không đồng ý vì những

thiệt hại Công ty đưa ra là không có căn cứ, trong quá trình làm việc ông không sai phạm gì.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày:

Tất cả các tình tiết nguyên đơn đưa ra về việc ký kết hợp đồng lao động, quá trình làm việc, mức lương, thời gian nghỉ việc như nguyên đơn ông Liên Thanh Q đã trình bày là đúng. Công ty xác định đã đồng ý cho ông Q nghỉ việc kể từ ngày 13/4/2016 theo đơn xin thôi việc ngày 14/3/2016 đến nay. Hiện Công ty còn giữ của ông Q 60.000.000đ tiền lương (tiền lương 1 tháng 13 ngày làm việc) và chưa giao trả sổ bảo hiểm và ra quyết định thôi việc cho ông Q.

Khi ông Q bàn giao công việc ngày 7/4/2016 công ty cũng chưa khẳng định được ông Q có gây thiệt hại cho Công ty hay không vì phải có thời gian kiểm tra lại mới biết nên công ty hẹn đến ngày 30/4/2016 mới giải quyết chế độ thôi việc cho ông Q do bà T nhiều việc nên đến ngày 12/12/2016, Công ty mới thu thập đủ căn cứ xác định chính xác mức thiệt hại là 27.402.000đ nên mới làm đơn phản tố để khấu trừ nghĩa vụ trả lương mà ông Q đã khởi kiện.

Sau khi kiểm tra lại quá trình làm việc ông Q mới phát hiện ông có hành vi vi phạm nội quy Công ty, tự ý mua hàng đắt hơn so với giá khảo sát, vi phạm Điều 8 Hợp đồng trách nhiệm và Quy trình mua hàng do Công ty ban hành và chia nhỏ số tiền trên hóa đơn để duyệt chi không đúng thẩm quyền gây thiệt hại cho Công ty 27.402.000đ nên đề nghị khấu trừ vào khoản tiền lương hiện Công ty đang giữ, số tiền lương còn lại 32.598.000đ Công ty đồng ý hoàn trả lại cho ông Q.

Những sai phạm của ông Q sau khi ông Q nghĩ việc Công ty kiểm tra lại mới biết nên chưa lần nào lập biên bản hay xử lý kỷ luật về các hành vi vi phạm của ông Q.

Khi ông Q gửi đơn khiếu nại việc không thanh toán tiền lương đến Phòng thương binh xã hội huyện Long Thành, Công ty có mời ông Q đến Công ty vào các ngày 4/7/2016 và ngày 14/7/2016 để thỏa thuận việc khấu trừ thiệt hại vào số tiền lương nhưng ông Q không đến nên không thỏa thuận được.

Qua kiểm tra thì ông Q có những sai phạm cụ thể như sau:

Tự ý chia nhỏ hóa đơn cho khoản mục xây dựng chuồng gà với tổng giá trị 22.817.000 đồng. Theo quy trình duyệt chi của Công ty, ông Q phải trình cho bà T là Tổng giám đốc của công ty xét duyệt khoản chi trị giá 22.817.000 đồng này, nhưng ông Q chia nhỏ thành nhiều hóa đơn như mua vật tư số tiền 12.402.000 đồng vào ngày 06/01/2016, mua lá dừa, cây tre, ống nước số tiền 4.415.000 đồng ngày 25/12/2015, tiền công làm chuồng gà số tiền là 6.000.000 đồng vào ngày 05/01/2016 để duyệt chi trong phạm vi có thẩm quyền là dưới 10.000.000đ. Thực tế nếu duyệt đúng quy trình bà T sẽ khảo sát giá thì chuồng gà này sẽ thấp hơn 22.817.000đ, nhưng cụ thể thấp hơn bao nhiêu Công ty không cung cấp được.

Tự ý mua hàng đắt hơn so với giá khảo sát đối với các mặt hàng sau:

1. Bảng tên nhân viên, giá mua hàng ông Q phê duyệt là 40.000 đồng/cái vào ngày 9/11/2015, giá khảo sát 30.000 đồng/cái, số lượng mua là 134 cái, tổng số

tiền chênh lệch gây thiệt hại cho Công ty là 10.000đồng/cái x 134cái = 1.340.000 đồng.

2. Số phòng Mica, giá mua hàng ông Q phê duyệt 20.000 đồng/cái vào ngày 9/11/2015, giá khảo sát 15.000 đồng/cái, số lượng mua 87 cái, tổng số tiền chênh lệch gây thiệt hại cho Công ty là 5.000 đồng/cái x 87cái = 435.000 đồng.

3. In mark nhôm, giá mua hàng ông Q phê duyệt 20.000 đồng/cái vào ngày 02/3/2016, giá khảo sát 5.000 đồng/cái, số lượng mua là 150 cái, tổng số tiền chênh lệch gây thiệt hại cho Công ty là 15.000 đồng/cái x 150 cái = 2.250.000 đồng.

4. Lắc khóa tròn, giá mua ông Q phê duyệt 25.000 đồng/cái vào ngày 02/3/2016, giá khảo sát là 10.000 đồng/cái, số lượng mua là 56 cái, tổng số tiền gây thiệt hại cho Công ty là 10.000 đồng/cái x 56 cái = 560.000 đồng.

Giá khảo sát đối với in mark nhôm và lắc khóa tròn được cung cấp bởi Công ty TNHH thương mại và dịch vụ N, bảng tên nhân viên và số phòng Mica được cung cấp bởi cửa hàng khắc chữ Phú Quý vào tháng 4/2016.

Công ty đã đóng bảo hiểm cho ông Q đến tháng 3/2016 và đã chốt sổ bảo hiểm hiện nay sổ bảo hiểm của ông Q công ty đang giữ, cho đến nay công ty có ra Quyết định thôi việc cho ông Q hay chưa chị không biết.

Công ty đồng ý giao trả sổ bảo hiểm và giao quyết định thôi việc cho ông Q. Đề nghị khấu trừ số tiền 27.402.000đ mà ông Q đã gây thiệt hại cho Công ty vào số tiền lương ông Q chưa nhận là 60.000.000đ, Công ty sẽ thanh toán lại cho ông Q số tiền 32.598.000đ còn lại.

Tại Bản án số: 01/2017/LĐ-ST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã Quyết định:

Căn cứ Điều 32, 35, 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005;

Khoản 3 Điều 36, Điều 47, 123,124, 130,131 Bộ luật lao động.

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa Án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liên Thanh Q đối với Công ty cổ phần S về việc: "Tranh chấp tiền lương, yêu cầu chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội, giao quyết định thôi việc".

Buộc Công ty cổ phần S phải thanh toán cho ông Liên Thanh Q số tiền 65.520.000đ (trong đó: 60.000.000đ tiền lương 1 tháng 13 ngày và 5.520.000đ tiền lãi chậm trả).

Công ty cổ phần S phải có trách nhiệm giao trả sổ bảo hiểm xã hội, quyết định thôi việc cho ông Liên Thanh Q.

Bác yêu cầu phản tố về việc "yêu cầu bồi thường thiệt hại" của bị đơn Công ty cổ phần S.

2. Về án phí: Công ty cổ phần S phải chịu 1.966.000đ án phí lao động sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí phản tố đã nộp là 411.000đ theo biên

lai thu số 009398 ngày 21/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Công ty cổ phần S phải nộp thêm 1.555.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/4/2017, người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần S kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Công ty cho rằng ông Q đã làm thất thoát tiền của Công ty trong quá trình làm việc là không có cơ sở vì: Khi phát hiện việc vi phạm nội quy của ông Q thì phải tiến hành xử lý bồi thường thiệt hại tại thời điểm xảy ra sự việc vi phạm đó theo Quy định Điều 131 Bộ luật lao động. Công ty chưa chứng minh được lỗi của người lao động, các hóa đơn duyệt chi là theo từng hạng mục công việc và đã được Công ty thanh toán. Trong quá trình làm việc ông Q cũng chưa từng bị Công ty lập biên bản vi phạm hay tổ chức họp kiểm điểm nhắc nhở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Công ty, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần S kháng cáo hợp lệ và trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngày 29/8/2016 nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao quyết định thôi việc, trả lại sổ bảo hiểm xã hội và trả lương của tháng 3/2016 và 13 ngày tháng 4/2016. Bị đơn có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại cho Công ty bằng cách khấu trừ vào số tiền lương Công ty còn giữ nên quan hệ tranh chấp là: " Tranh chấp tiền lương, yêu cầu giao quyết định thôi việc, trả lại sổ bảo hiểm xã hội và Bồi thường thiệt hại" quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự theo nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 202 Bộ luật lao động 2012.

[4] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty cho rằng, do sơ xuất trong việc tính toán nên nay Công ty xác định chỉ yêu cầu xem xét số tiền khấu trừ vào khoản tiền lương của ông Q là 24.535.000đ. Xét yêu cầu của công ty không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên chấp nhận.

Công ty thừa nhận những tình tiết mà nguyên đơn đưa ra như; thời điểm ký kết hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng, mức lương, thời gian thôi việc của ông Q, số tiền lương của tháng 3/2016 và 13 ngày lương của tháng 4/2016 Công ty chưa thanh toán cho ông Q là 59.999.000đ (làm tròn 60.000.000đ). Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận các tình tiết này là sự thật.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn cũng đã thừa nhận hai bên đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 13/4/2016. Như vậy, Công ty đã đồng ý cho ông Q thôi việc, theo khoản 2 Điều 47 Bộ luật lao động thì chậm nhất trong thời hạn 30 ngày Công ty phải xác định được thiệt hại mà ông Q đã gây ra nếu có và thực hiện việc xử lý bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 131 Bộ luật lao động, sau đó mới được khấu trừ vào số tiền lương mà Công ty chưa thanh toán cho ông Q và hoàn tất các thủ tục thôi việc cho ông Q. Đối với yêu cầu tính lãi suất với số tiền mà Công ty cho rằng ông Q gây thiệt hại cho Công ty là không có cơ sở chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

Công ty cho rằng ông Q có nhiều vi phạm trong quá trình quản lý điều hành Công ty nhưng không đưa ra được các chứng cứ chứng minh. Khi ông Q làm đơn xin thôi việc cũng được sự đồng ý của Công ty, tại biên bản làm việc ngày 7/4/2016 ông Q bàn giao công việc bà T là người ký nhận cũng chưa khẳng định được ông Q có vi phạm hay không mà đề nghị chờ kiểm tra đến ngày 30/4/2016 sẽ trả lời và hoàn tất chế độ thôi việc cho ông Q, đến ngày 18/5/2016 Công ty ra thông báo số 10/2016/TB thông báo vi phạm tổn thất Công ty hẹn đến ngày 2/6/2016 nhưng cũng không giải quyết. Sau khi có đơn khởi kiện của ông Q ngày 12/12/2016 Công ty mới có đơn phản tố yêu cầu ông Q bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 27.402.000đ và đề nghị khấu trừ vào số tiền lương Công ty chưa thanh toán.

Trường hợp, Công ty có căn cứ cho rằng ông Q đã gây thiệt hại cho Công ty thì Công ty phải tiến hành xử lý bồi thường thiệt hại theo nguyên tắc và trình tự quy định tại Điều 131 Bộ luật lao động. Tuy nhiên, Công ty có mời ông Q đến hai lần vào các ngày 4/7/2016 và ngày 14/7/2016 nhưng chỉ để thương lượng thỏa thuận với nhau chứ không phải mời xử lý bồi thường thiệt hại. Như vậy Công ty chưa tiến hành thủ tục xử lý bồi thường thiệt hại đối với ông Q, chưa chứng minh được các thiệt hại trên có phải do ông Q gây ra và mức độ thiệt hại thực tế có phù hợp số tiền mà công ty đã nêu hay không nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đồng thời chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần S phải thanh toán đầy đủ cho ông Q toàn bộ số tiền lương mà Công ty chưa thanh toán là 60.000.000đ theo Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Q yêu cầu Công ty phải trả lãi suất đối với tiền lương chậm trả theo mức lãi suất theo qui định pháp luật từ ngày 13/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét yêu cầu của ông Q là hoàn toàn chính đáng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải trả cho ông Q thêm số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật

dân sự 2005: {60.000.000đ x 0,75%} x 12 tháng + {450.000đ : 30} x 8 ngày = 5.520.000đ là có căn cứ.

Cũng tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn thừa nhận đã chốt sổ, đang giữ sổ bảo hiểm xã hội của ông Q và đồng ý giao trả lại sổ bảo hiểm xã hội, giao quyết định thôi việc cho ông Q nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là có căn cứ.

[5] Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch: Công ty cổ phần S phải chịu 1.966.000đ được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phản tố đã nộp là 411.000đ theo biên lai thu số 009398 ngày 21/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Công ty cổ phần S phải nộp thêm 1.555.000đ.

Án phí lao động phúc thẩm: Công ty cổ phần S phải chịu 300.000đ án phí lao động phúc thẩm được cấn trừ vào tiền tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 006350 ngày 08/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diệnViện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 305 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 3 Điều 36, Điều 47, 123,124, 130,131 Bộ luật lao động.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liên Thanh Q đối với Công ty cổ phần S về việc: “Tranh chấp tiền lương, yêu cầu chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội, giao quyết định thôi việc”.

- Buộc Công ty cổ phần S phải thanh toán cho ông Liên Thanh Q số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) tiền lương và 5.520.000đ (Năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tiền lãi chậm trả.

Tổng cộng: 65.520.000đ (Sáu mươi lăm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Công ty cổ phần S phải có trách nhiệm giao trả sổ bảo hiểm xã hội, quyết định thôi việc cho ông Liên Thanh Q.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố về việc "yêu cầu bồi thường thiệt hại" của bị đơn Công ty cổ phần S.

2. Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch: Công ty cổ phần S phải nộp 1.966.000đ (Một triệu chín trăm sáu mới sáu nghìn đồng) được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phản tố đã nộp là 411.000đ (Bốn trăm mười một nghìn đồng) theo biên lai thu số 009398 ngày 21/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Công ty cổ phần S phải nộp thêm 1.555.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Án phí lao động phúc thẩm: Công ty cổ phần S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí lao động phúc thẩm được cấn trừ vào tiền tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0063501 ngày 08/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải trả thêm số tiền lãi theo mức lãi suất nợ cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND huyện Long Thành;
- VKS.ND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA.DS huyện Long Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Quý